



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG
INNOVATIVE TECHNOLOGY DEVELOPMENT CORPORATION
www.itd.vn

Mã chứng khoán: ITD

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
TỪ NGÀY 01/10/2023 ĐẾN NGÀY 31/12/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A- Tài sản ngắn hạn	100		194.629.507.888	149.951.812.739
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	9.814.821.188	26.219.617.994
1. Tiền	111		9.814.821.188	8.219.617.994
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	18.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		158.645.266.731	95.505.040.427
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	206.048.545.927	116.704.786.160
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	22.932.232.591	2.252.122.909
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		1.680.882.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	8.013.493.439	9.743.722.369
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.06	(80.029.887.226)	(33.195.591.011)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	23.801.138.556	27.501.635.519
1. Hàng tồn kho	141		31.466.116.847	30.099.739.918
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.664.978.291)	(2.598.104.399)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.368.281.413	725.518.799
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	144.590.006	74.203.313
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.223.691.407	650.838.812
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	476.674
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		205.324.331.062	227.413.550.597
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.05	-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		45.485.460.632	46.930.706.960
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	30.235.901.625	31.496.258.514
- Nguyên giá	222		71.527.394.630	71.390.942.630
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41.291.493.005)	(39.894.684.116)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	15.249.559.007	15.434.448.446
- Nguyên giá	228		26.435.482.435	25.717.714.435
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.185.923.428)	(10.283.265.989)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	430.660.800
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	430.660.800
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	159.326.051.888	178.329.051.888
1. Đầu tư vào công ty con	251		188.100.951.888	208.100.951.888
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		6.000.000.000	5.310.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.367.100.000	7.367.100.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(42.142.000.000)	(42.449.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		512.818.542	1.723.130.949
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	512.818.542	1.723.130.949
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		399.953.838.950	377.365.363.336

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		174.956.950.397	108.418.809.979
I. Nợ ngắn hạn	310		155.475.587.986	75.459.515.117
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	76.844.423.305	16.742.239.671
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	10.293.219.877	6.454.612.931
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	65.454.367	50.148.226
4. Phải trả người lao động	314	V.14	-	200.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	962.963.232	3.133.230.209
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	863.247.752	22.123.978.223
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	64.169.263.388	25.053.544.967
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	1.268.288.594	1.108.162.227
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	1.008.727.471	793.398.663
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		19.481.362.411	32.959.294.862
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	924.717.950	924.717.950
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	17.000.000.000	30.000.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.18	1.440.555.365	1.870.225.143
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.20	116.089.096	164.351.769

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

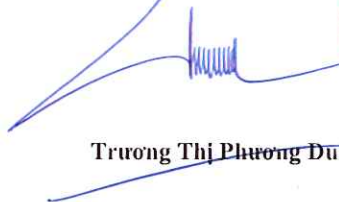
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.21	224.996.888.553	268.946.553.357
I. Vốn chủ sở hữu	410		224.996.888.553	268.946.553.357
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		245.335.910.000	245.335.910.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		245.335.910.000	245.335.910.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(721.880.000)	(721.880.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.604.360.982	3.604.360.982
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(23.221.502.429)	20.728.162.375
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		20.728.162.375	4.816.313.752
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(43.949.664.804)	15.911.848.623
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		399.953.838.950	377.365.363.336

Người lập biểu



Phạm Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng



Trương Thị Phương Dung

TP. HCM, Ngày 25 tháng 01 năm 2024



Tổng giám đốc

Nguyễn Vĩnh Thuận

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Dạng đầy đủ)

Từ ngày 01/04/2023 đến 31/12/2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/10/2023 đến 31/12/2023		Lũy kế từ 01/04/2023 đến 31/12/2023		Đơn vị tính: VNĐ
			Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	130.333.500.486	70.083.000.843	183.927.312.803	113.927.628.063	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		19.677.300		19.677.300	154.600.000	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	130.313.823.186	70.083.000.843	183.907.635.503	113.773.028.063	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	124.690.645.395	51.177.434.951	165.441.009.159	82.033.977.064	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.623.177.791	18.905.565.892	18.466.626.344	31.739.050.999	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	9.296.561.390	6.484.061.008	13.545.894.717	21.761.592.325	
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	1.763.381.706	3.553.868.823	5.100.401.571	5.226.484.584	
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		1.040.009.687	1.527.733.123	3.087.722.820	3.157.528.931	
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	3.466.020.730	5.545.504.022	14.697.855.980	16.668.112.409	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	51.199.694.106	9.397.892.282	55.686.253.524	16.596.381.990	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(41.509.357.361)	6.892.361.773	(43.471.990.014)	15.009.664.341	
11. Thu nhập khác	31	VI.07	502	6.749.996	214.319.077	307.384.334	
12. Chi phí khác	32	VI.08	900.006	67.156.447	341.937.059	93.975.797	
13. Lợi nhuận khác	40		(899.504)	(60.406.451)	(127.617.982)	213.408.537	
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		(41.510.256.865)	6.831.955.322	(43.599.607.996)	15.223.072.878	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	-	-	-	-	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-	
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(41.510.256.865)	6.831.955.322	(43.599.607.996)	15.223.072.878	

Người lập biểu

Phạm Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng

Trương Thị Phương Dung



Nguyễn Vĩnh Thuận

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01/04/2023 đến 31/12/2023

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm	
			Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(43.599.607.996)	15.223.072.878
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2.299.466.328	2.229.804.472
- Các khoản dự phòng	03		53.634.626.696	4.723.521.856
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.191.869)	28.648.001
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(12.804.012.027)	(21.740.066.008)
- Chi phí lãi vay	06		3.087.722.820	3.157.528.931
- Các khoản điều chỉnh khác	07		(48.262.673)	(165.845.224)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.568.741.279	3.456.664.906
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(111.514.499.355)	18.158.110.603
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.366.376.929)	(1.075.749.820)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		40.832.025.376	(17.063.341.649)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-1.139.925.714	54.901.360
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.395.095.263)	(2.183.556.328)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(394.642.098)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(133.828.000)	(320.521.423)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(71.869.107.178)	631.865.551
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(423.559.200)	(973.953.600)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.680.882.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.000.000.000)	(75.730.340.800)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		20.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14.452.494.942	21.736.995.551
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		29.348.053.742	(54.967.298.849)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm	
			Kỳ này	Kỳ trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		77.490.558.326	84.990.588.523
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(51.374.839.905)	(24.781.198.569)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>26.115.718.421</i></u>	<u><i>60.209.389.954</i></u>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>		<i>(16.405.335.015)</i>	<i>5.873.956.656</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	<i>V.1</i>	<i>26.219.617.994</i>	<i>27.764.239.420</i>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		538.209	3.548.359
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	<i>70</i>	<i>V.1</i>	<u><i>9.814.821.188</i></u>	<u><i>33.641.744.435</i></u>

Người lập biểu

Phạm Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng

Trương Thị Phương Dung

TP. HCM, Ngày 25 tháng 01 năm 2024

Tổng Giám đốc


Nguyễn Vĩnh Thuận

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn:** Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh:** Thương mại và dịch vụ
- Ngành nghề kinh doanh:**
 - Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
 - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
 - Bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
 - Bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
 - Mua bán hệ thống an ninh, hệ thống báo cháy, báo trộm, giám sát bán hàng
 - Sản xuất và mua bán phần mềm tin học
- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 Công ty có 77 nhân viên đang làm việc
- Cấu Trúc Công ty**
Thông tin công ty con

01/ Công ty Cổ phần tin học Siêu Tính

- + Địa chỉ: Lầu 3 Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Q7, TP. HCM.
- + Tỷ lệ lợi ích của Công ty Mẹ: 98,80%
- + Quyền biểu quyết của Công ty Mẹ: 98,80%

02/ Công ty Cổ Phần Công Nghệ Tự Động Tân Tiến

- + Địa chỉ: Lầu 3 Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Q7, TP. HCM.
- + Tỷ lệ lợi ích của Công ty Mẹ: 88.98%
- + Quyền biểu quyết của Công ty Mẹ: 88.98%

03/ Công ty Cổ Phần Cơ điện Thạch Anh

- + Địa chỉ: Lầu 4 Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Q7, TP. HCM
- + Tỷ lệ lợi ích của Công ty Mẹ: 78.21%
- + Quyền biểu quyết của Công ty Mẹ: 78.21%

04/ Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu

- + Địa chỉ: Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Q7, TP. HCM
- + Tỷ lệ lợi ích của Công ty Mẹ: 48,23%
- + Quyền biểu quyết của Công ty Mẹ: 51.44% trong đó có khoản 3.21% là quyền biểu quyết mà Tiên Phong được Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Tánh Linh ủy quyền biểu quyết.

05/ Công ty TNHH Global - Sitem

- + Địa chỉ: Lầu 4 Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Q7, TP. HCM .
- + Tỷ lệ lợi ích của Công ty Mẹ: 30,75%
- + Quyền biểu quyết của Công ty Mẹ: 63,75%

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

06/ Công ty Cổ Phần Inno

+ Địa chỉ: Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Q7, TP. HCM

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty Mẹ: 48,21%

+ Quyền biểu quyết của Công ty Mẹ: 99,96%

07/ Công ty TNHH MTV Innovative Software Development

+ Địa chỉ: Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Q7, TP. HCM

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty Mẹ: 100%

+ Quyền biểu quyết của Công ty Mẹ: 100%

08/ Công ty CP Tư Vấn và Phát Triển Phần Mềm Larion

+ Địa chỉ : Tầng 3, Tòa nhà QTSC Building 1, Lô 34, Đường Số 14, Công Viên Phần Mềm Quang Trung, phường Tân Chánh Hiệp, quận 12, Thành Phố Hồ Chí Minh.

+ Tỷ lệ vốn do công ty nắm giữ: 51%

+ Quyền biểu quyết: 51%

09/ Công ty Cổ phần Phần mềm Bestarion

+ Tỷ lệ lợi ích: 29.67%

+ Quyền biểu quyết: 58.17%

Thông tin công ty liên kết

01/ Công ty Cổ Phần Intelnet

+ Tỷ lệ vốn do công ty nắm giữ: 30%

+ Quyền biểu quyết: 49.51%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán bằng máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí sản xuất, kinh doanh dự án chưa hoàn thành.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí hội viên câu lạc bộ golf. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước.

Chi phí hội viên câu lạc bộ golf

Chi phí hội viên câu lạc bộ golf trả trước thể hiện khoản tiền thanh toán tham gia câu lạc bộ golf trong 44 năm. Chi phí hội viên câu lạc bộ golf được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian tham gia (44 năm).

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Máy móc và thiết bị	03-05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03-06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02-05
Tài sản cố định khác	02

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (30 năm).

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 04 năm.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

9. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm:

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa không quá 05% trên doanh thu (Kỳ trước là 05%). Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những Kỳ trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn Cổ phần”.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hoá dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

16. Nguyên Tắc chuyển đổi ngoại tệ và xử lý chênh lệch tỷ giá

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Các khoản chênh lệch tỷ giá được xử lý theo hướng dẫn của thông tư 201/2009/TT-BTC ban hành ngày 15/10/2009

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	71.743.785	334.809.204
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.743.077.403	7.884.808.790
Các khoản tương đương tiền	-	18.000.000.000
Cộng	9.814.821.188	26.219.617.994

2. Các khoản đầu tư tài chính**2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn****2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đối tượng	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá Gốc	Dự phòng	Giá Gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	188.100.951.888	(33.815.000.000)	208.100.951.888	(34.154.000.000)
Công ty CP Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	29.174.984.223	-	29.174.984.223	-
Công ty CP Công Nghệ Tự Động Tân Tiến	12.916.954.100	-	12.916.954.100	-
Công ty CP Tin Học Siêu Tinh	9.817.036.601	-	9.817.036.601	-
Công ty CP Cơ Điện Thạch Anh	37.204.976.964	(31.276.000.000)	37.204.976.964	(31.615.000.000)
Công ty TNHH MTV KTCN Tiên Phong (1)	-	-	20.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV INNOVATIVE SOFTWARE DEVELOPMENT	9.000.000.000	(2.539.000.000)	9.000.000.000	(2.539.000.000)
Công ty cổ phần Tư Vấn và Phát triển Phần mềm Larion	89.987.000.000	-	89.987.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết	6.000.000.000	(2.111.000.000)	5.310.000.000	(3.017.000.000)
Công ty cổ phần định vị Tiên Phong (2)	-	-	2.310.000.000	(2.310.000.000)
Công ty cổ phần INTELNET	6.000.000.000	(2.111.000.000)	3.000.000.000	(707.000.000)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	7.367.100.000	(6.216.000.000)	7.367.100.000	(5.278.000.000)
Công ty cổ phần Giao Thông Số Việt Nam	7.367.100.000	(6.216.000.000)	7.367.100.000	(5.278.000.000)
Cộng	201.468.051.888	(42.142.000.000)	220.778.051.888	(42.449.000.000)

(1) Giải thể theo Quyết định của Chủ sở hữu số 01/2023/QĐ-CSH vì lý do kinh doanh không hiệu quả.

(2) Doanh nghiệp đã giải thể căn cứ vào Thông báo số 726537/23 ngày 26/09/2023 của Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch Đầu tư TP.Hồ Chí Minh về việc doanh nghiệp giải thể/chấm dứt tồn tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		Số cuối kỳ	Số đầu năm	
Phải thu các bên liên quan		831.764.125	1.004.823.165	
Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu		-	394.176.608	
Công ty CP Công Nghệ Tự Động Tân Tiến		569.979.122	353.444.400	
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development		42.608.607	88.351.143	
Công ty CP Tin Học Siêu Tính		-	163.181.014	
Công ty TNHH Global Sitem		219.176.396	-	
Công ty Cổ Phần INTELNET		-	5.670.000	
Phải thu các khách hàng khác		205.216.781.802	115.699.962.995	
Công ty TNHH Thu Phí Tự Động VETC		68.599.423.798	68.599.423.798	
TCT Phát Triển Hạ Tầng & Đầu Tư Tài Chính Việt Nam-Cty CP		7.031.410.473	10.604.694.370	
Công ty CP Sonadezi Châu Đức		9.002.915.540	9.007.332.740	
Trung Tâm Quản Lý Điều Hành Giao Thông Đô Thị		4.262.202.500	-	
Công ty TNHH New Wing Interconnect Technology (Bắc Giang)		12.477.100.000	-	
Các khách hàng khác		103.843.729.491	27.488.512.087	
Cộng		206.048.545.927	116.704.786.160	
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		Số cuối kỳ	Số đầu năm	
Trả trước cho các bên liên quan		1.377.882.990	-	
Công ty TNHH Global - Sitem		72.282.990	-	
Công ty CP Tin Học Siêu Tính		1.305.600.000	-	
Trả trước cho người bán khác		21.554.349.601	2.252.122.909	
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ TNI		572.400.000	177.400.000	
Trường Cao Đẳng Đường Sắt		742.153.927	742.153.927	
TRADING AND SOLUTION CONSULTING INC		6.458.050.000	-	
Công ty Cổ Phần AUTO Trường Chinh		1.085.073.000	-	
Nhà cung cấp khác		12.696.672.674	1.332.568.982	
Cộng		22.932.232.591	2.252.122.909	
5. Phải thu ngắn hạn/ dài hạn khác				
5a. Phải thu ngắn hạn khác	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá Gốc	Dự phòng	Giá Gốc	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	4.467.856.135	(3.500.000.000)	5.869.925.866	(3.500.000.000)
Công ty CP Công Nghệ Tự Động Tân Tiến - khác	-	-	48.848.367	-
Công ty CP Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu - khác	-	-	497.982.073	-
Công ty TNHH liên doanh Global sitem - khác	61.896.135	-	240.581.826	-
Công ty CP Cơ Điện Thạch Anh - Cho mượn	3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development - khác	500.000.000	-	16.880.000	-
Công ty cổ phần Tin Học Siêu Tính- khác	360.000	-	1.565.633.600	-
Công ty Cổ Phần INTELNET - khác	405.600.000	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	3.545.637.304	-	3.873.796.503	-
Ký cược, ký quỹ	2.791.961.806	-	1.617.535.660	-
Tạm ứng	441.084.827	-	111.156.000	-
Phải thu khác	312.590.671	-	2.145.104.843	-
Cộng	8.013.493.439	(3.500.000.000)	9.743.722.369	(3.500.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

5b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn

6. Nợ khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
Công ty CP cơ điện Thạch Anh	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
<i>Phải thu tiền cho mượn</i>	<i>3.500.000.000</i>	-	<i>3.500.000.000</i>	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	81.448.380.630	4.918.493.404	35.884.039.438	6.188.448.427
Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC - Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	68.732.338.970	4.351.990.333	25.056.341.349	6.188.448.427
Công ty Cổ phần 715 – Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.196.346.285	-	2.196.346.285	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Băng Dương – Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.896.814.588	-	3.896.814.588	-
Công ty Cổ Phần BON – Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	110.000.000	33.000.000	110.000.000	-
Công ty Cổ Phần BOT Phá Lại – Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.778.343.571	533.503.071	2.072.343.571	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác – Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.734.537.216	-	2.552.193.645	-
Cộng	84.948.380.630	4.918.493.404	39.384.039.438	6.188.448.427

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số đầu năm	33.195.591.011	21.840.804.325
Hoàn nhập dự phòng khó đòi	-	11.354.786.686
Trích lập dự phòng bổ sung	46.834.296.215	-
Số cuối năm	80.029.887.226	33.195.591.011

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.	17.370.876.448	(5.116.117.090)	20.713.421.067	-
Hàng hóa	14.095.240.399	(2.548.861.201)	9.386.318.851	(2.598.104.399)
Cộng	31.466.116.847	(7.664.978.291)	30.099.739.918	(2.598.104.399)

Giá trị hàng hóa tồn kho chậm tiêu thụ hoặc khó có thể thanh lý để thu hồi giá trị cuối kỳ là 7.664.978.291 VND (Số đầu năm là 2.598.104.399 VND).

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	8.176.135	7.906.508
Chi phí bảo hiểm	21.147.343	10.867.642
Chi phí khác	115.266.528	55.429.163
Cộng	144.590.006	74.203.313

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí hội viên câu lạc bộ golf	-	545.979.098
Chi phí sửa chữa	313.162.039	817.229.438
Công cụ, dụng cụ	199.656.503	359.922.413
Cộng	512.818.542	1.723.130.949

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	50.300.949.660	17.382.379.854	1.919.578.182	1.788.034.934	71.390.942.630
Mua trong năm	-	-	-	136.452.000	136.452.000
Số cuối kỳ	50.300.949.660	17.382.379.854	1.919.578.182	1.924.486.934	71.527.394.630
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	19.075.288.478	17.382.379.854	1.919.578.182	1.517.437.602	39.894.684.116
Khấu hao trong năm	1.277.413.425	-	-	119.395.464	1.396.808.889
Số cuối kỳ	20.352.701.903	17.382.379.854	1.919.578.182	1.636.833.066	41.291.493.005
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	31.225.661.182	-	-	270.597.332	31.496.258.514
Số cuối kỳ	29.948.247.757	-	-	287.653.868	30.235.901.625

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	24.053.529.245	1.664.185.190	25.717.714.435
Mua trong kỳ	-	717.768.000	717.768.000
Số cuối kỳ	24.053.529.245	2.381.953.190	26.435.482.435
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	9.565.969.275	717.296.714	10.283.265.989
Khấu hao trong kỳ	575.749.377	326.908.062	902.657.439
Số cuối kỳ	10.141.718.652	1.044.204.776	11.185.923.428
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	14.487.559.970	946.888.476	15.434.448.446
Số cuối kỳ	13.911.810.593	1.337.748.414	15.249.559.007

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1.045.114.737	7.044.657.774
Công ty CP Kỹ Thuật điện Toàn Cầu	951.733.168	26.166.205
Công ty CP Cơ Điện Thạch Anh	93.381.569	93.381.569
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	-	6.069.110.000
Công ty cổ phần Tin Học Siêu Tính	-	856.000.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	75.799.308.568	9.697.581.897
CÔNG TY TNHH Công Nghệ YIXUAN VIỆT NAM	2.255.000.000	-
Công ty CP Công Nghiệp Giao Thông Đông Hải	531.520.000	797.280.000
Công ty CP Đầu Tư và Xây Lắp Công Trình 575	243.120.923	226.495.458
Công Ty Cổ Phần Phân Phối Sản Phẩm Công Nghệ Cao Dầu Khí	2.449.480.000	882.579.544
HANSWAY CO., LTD	59.642.822.421	-
Các nhà cung cấp khác	10.677.365.224	7.791.226.895
Cộng	76.844.423.305	16.742.239.671

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	-	-
Trả trước của các khách hàng khác	10.293.219.877	6.454.612.931
Công ty Cổ Phần Tasco Nam Thái	130.820.000	130.820.000
Công Ty Cổ Phần Xi Măng VICEM	2.985.758.346	-
Tổng Công Ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP	316.616.800	-
Các khách hàng khác	6.860.024.731	6.323.792.931
Cộng	10.293.219.877	6.454.612.931

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	476.674	446.776.948	446.300.274	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	8.229.590.818	8.229.590.818	-	-
Thuế nhập khẩu	-	-	841.597.048	841.597.048	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	50.148.226	-	740.903.211	725.597.071	65.454.366	-
Cộng	50.148.226	476.674	10.258.868.025	10.243.085.211	65.454.366	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cung cấp phần mềm
- Cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khu phi thuế quan
- Hàng hóa, dịch vụ

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Không chịu thuế
0%
8%-10%

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

14. Phải trả người lao động

Lương, thưởng phải trả nhân viên.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thi công cho công trình	753.598.849	175.048.391
Chi phí phải trả dịch vụ	50.000.000	2.958.181.818
Chi phí phải trả lãi vay tạm tính	159.364.383	-
Cộng	962.963.232	3.133.230.209

16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**16a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	308.658.432	21.525.371.853
Công ty CP Công Nghệ Tự Động Tân Tiến - phải trả dịch vụ tiện ích	3.178.980	12.064.086
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu -phải trả dịch vụ tiện ích	-	5.773.520
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu -phải trả lãi vay	305.479.452	757.534.247
Công ty TNHH MTV kỹ thuật CN Tiên Phong - Cho mượn	-	20.750.000.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	554.589.320	598.606.370
Phải trả tiền mượn các cá nhân	-	98.132.301
Phải trả khác	236.425.880	182.310.629
Nhận ký quỹ, ký cược	318.163.440	318.163.440
Cộng	863.247.752	22.123.978.223

16b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	924.717.950	924.717.950
Nhận ký quỹ, ký cược	924.717.950	924.717.950
Cộng	924.717.950	924.717.950

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**17a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá Trị	Số có khả năng trả nợ	Giá Trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	52.869.263.388	52.869.263.388	25.053.544.967	25.053.544.967
Vay Ngân hàng TMCP phần Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam, CN TP. Hồ Chí Minh (1)	52.869.263.388	52.869.263.388	25.053.544.967	25.053.544.967
Vay cá nhân khác	11.300.000.000	11.300.000.000	-	-
Cộng	64.169.263.388	64.169.263.388	25.053.544.967	25.053.544.967

(1) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C với lãi suất theo từng khung ước nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và thế chấp 1.500.000 cổ phiếu niêm yết của Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu (xem thuyết minh số V2b).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	25.053.544.967	65.190.558.326	(37.374.839.905)	52.869.263.388
Vay ngắn hạn cá nhân	-	12.300.000.000	(1.000.000.000)	11.300.000.000
Cộng	25.053.544.967	77.490.558.326	(38.374.839.905)	64.169.263.388

17b. Vay dài hạn**Vay dài hạn các bên liên quan**

Khoản vay Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu để bổ sung vốn kinh doanh và đầu tư với lãi suất 10%/năm, thời hạn vay 02 năm.

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay dài hạn công ty nội bộ	30.000.000.000	-	(13.000.000.000)	17.000.000.000
Cộng	30.000.000.000	-	(13.000.000.000)	17.000.000.000

17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Dự phòng phải trả ngắn hạn/dài hạn**18a. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến sản phẩm, hàng hóa. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	<u>1.108.162.227</u>
Trích lập dự phòng	331.685.373
Số sử dụng	(86.681.882)
Hoàn nhập dự phòng	(84.877.124)
Số cuối kỳ	<u>1.268.288.594</u>

18b. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến sản phẩm, hàng hóa. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	<u>1.870.225.143</u>
Trích lập dự phòng	10.353.981
Hoàn nhập dự phòng	(128.718.722)
Số sử dụng	(311.305.037)
Số cuối kỳ	<u>1.440.555.365</u>

19. Quỹ khen thưởng phúc lợi

Số đầu năm	<u>793.398.663</u>
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	350.056.808
Chi quỹ trong kỳ	(134.728.000)
Số cuối kỳ	<u>1.008.727.471</u>

20. Quỹ Phát triển khoa học công nghệ

	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành tài sản cố định	Cộng
Số đầu năm	94.103.950	70.247.819	164.351.769
Khấu hao tài sản cố định	-	(48.262.673)	(48.262.673)
Số cuối kỳ	<u>94.103.950</u>	<u>21.985.146</u>	<u>116.089.096</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIẾN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

21. Vốn chủ sở hữu**21.a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	213.436.540.000	3.604.360.982	25.218.233.347	241.537.254.329
Phát hành cổ phiếu	10.635.730.000	-	-	10.635.730.000
Hoàn quỹ khen thưởng	-	-	861.720.405	861.720.405
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	15.911.848.623	15.911.848.623
Chia cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu	21.263.640.000	-	(21.263.640.000)	-
Số dư cuối Kỳ trước	245.335.910.000	3.604.360.982	20.728.162.375	268.946.553.357
Số dư đầu Kỳ này	245.335.910.000	3.604.360.982	20.728.162.375	268.946.553.357
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	(43.599.607.996)	(43.599.607.996)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(350.056.808)	(350.056.808)
Số dư cuối Kỳ này	245.335.910.000	3.604.360.982	(23.221.502.429)	224.996.888.553

21 b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.533.591	24.533.591
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	24.533.591	24.533.591
- Cổ phiếu phổ thông	24.533.591	24.533.591
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	72.188	72.188
- Cổ phiếu phổ thông	72.188	72.188
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.461.403	24.461.403
- Cổ phiếu phổ thông	24.461.403	24.461.403

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Đối tượng	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023	Từ 01/10/2022 đến 31/12/2022	Từ 01/04/2023 đến 31/12/2023	Từ 01/04/2022 đến 31/12/2022
Tổng doanh thu	130.313.823.186	70.083.000.843	183.907.635.503	113.773.028.063
- Doanh thu bán hàng hóa	124.712.220.213	63.030.325.467	166.739.220.111	97.624.693.560
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.601.602.973	7.052.675.376	17.168.415.392	16.148.334.503
Doanh thu thuần	130.313.823.186	70.083.000.843	183.907.635.503	113.773.028.063

2. Giá vốn hàng bán

Đối tượng	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023	Từ 01/10/2022 đến 31/12/2022	Từ 01/04/2023 đến 31/12/2023	Từ 01/04/2022 đến 31/12/2022
Giá vốn hàng hóa đã cung cấp	115.322.673.458	39.757.168.824	146.883.285.432	66.859.579.991
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.251.854.847	10.920.266.127	13.490.849.835	14.674.397.073
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	5.116.117.090	500.000.000	5.066.873.892	500.000.000
Cộng	124.690.645.395	51.177.434.951	165.441.009.159	82.033.977.064

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Đối tượng	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023	Từ 01/10/2022 đến 31/12/2022	Từ 01/04/2023 đến 31/12/2023	Từ 01/04/2022 đến 31/12/2022
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	165.614.761	49.126.027	210.178.367
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	4.316.555	3.658.167	9.802.597	22.505.559
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.292.141.000	6.317.618.800	12.754.886.000	21.528.093.800
Lãi CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	(2.830.720)	3.284.308	717.639
Lãi CLTG phát sinh	-	-	8.072.870	96.960
Khác	103.835	-	720.722.915	-
Cộng	9.296.561.390	6.484.061.008	13.545.894.717	21.761.592.325

4. Chi phí hoạt động tài chính

Đối tượng	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023	Từ 01/10/2022 đến 31/12/2022	Từ 01/04/2023 đến 31/12/2023	Từ 01/04/2022 đến 31/12/2022
Chi phí lãi vay	1.040.009.687	1.527.733.123	3.087.722.820	3.157.528.931
Lỗ CLTG phát sinh	2.573.795	26.135.700	7.880.527	39.590.013
Lãi CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.798.224	-	1.798.224	29.365.640
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	719.000.000	2.000.000.000	2.003.000.000	2.000.000.000
Cộng	1.763.381.706	3.553.868.823	5.100.401.571	5.226.484.584

5. Chi phí bán hàng

Đối tượng	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023	Từ 01/10/2022 đến 31/12/2022	Từ 01/04/2023 đến 31/12/2023	Từ 01/04/2022 đến 31/12/2022
Chi phí cho nhân viên	3.054.020.112	4.833.286.609	13.232.152.411	15.101.524.492
Chi phí đồ dùng văn phòng	63.152.005	105.487.459	224.786.718	299.733.135
Chi phí bảo hành	13.050.000	-	47.060.000	5.000.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.499.999	4.236.078	140.899.995	23.917.006
Chi phí dịch vụ mua ngoài	181.620.318	205.210.998	700.594.886	495.594.350
Chi phí khác	151.678.296	397.282.878	352.361.970	742.343.426
Cộng	3.466.020.730	5.545.504.022	14.697.855.980	16.668.112.409

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Đối tượng	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023	Từ 01/10/2022 đến 31/12/2022	Từ 01/04/2023 đến 31/12/2023	Từ 01/04/2022 đến 31/12/2022
Chi phí cho nhân viên	3.199.995.570	5.554.833.631	6.298.004.553	10.550.760.148
Chi phí đồ dùng văn phòng	69.654.943	71.212.048	166.065.819	264.897.269
Chi phí khấu hao TSCĐ	30.091.017	15.424.080	45.909.395	66.272.240
Chi phí dịch vụ mua ngoài	993.345.448	743.287.108	2.175.743.819	2.378.778.006
Chi phí khác	46.906.607.128	3.013.135.415	47.000.529.938	3.335.674.327
Cộng	51.199.694.106	9.397.892.282	55.686.253.524	16.596.381.990

7. Thu nhập khác

Đối tượng	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023	Từ 01/10/2022 đến 31/12/2022	Từ 01/04/2023 đến 31/12/2023	Từ 01/04/2022 đến 31/12/2022
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình			213.595.846	299.957.804
Thu nhập khác	502	6.749.996	723.231	7.426.530
Cộng	502	6.749.996	214.319.077	307.384.334

8. Chi phí khác

Đối tượng	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023	Từ 01/10/2022 đến 31/12/2022	Từ 01/04/2023 đến 31/12/2023	Từ 01/04/2022 đến 31/12/2022
Chi phí khác	900.006	67.156.447	341.937.059	93.975.797
Cộng	900.006	67.156.447	341.937.059	93.975.797

9. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất áp dụng

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Đối tượng	Từ 01/10/2023 đến 31/12/2023	Từ 01/10/2022 đến 31/12/2022	Từ 01/04/2023 đến 31/12/2023	Từ 01/04/2022 đến 31/12/2022
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	132.806.948	23.007.121.208	437.912.537	63.057.778.527
Chi phí nhân công	5.945.497.428	10.388.120.240	19.611.638.964	25.652.284.640
Chi phí khấu hao tài sản cố định	699.627.105	698.005.836	2.182.003.657	2.098.286.248
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.486.336.119	7.371.299.572	14.010.082.310	16.624.870.489
Chi phí bằng tiền khác	47.414.349.065	4.296.407.615	49.674.724.028	5.070.550.475
Cộng	60.678.616.665	45.760.954.471	85.916.361.496	112.503.770.379

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập ban lãnh đạo	Chức vụ	Lũy kế đến 31/12/2023	Lũy kế đến 31/12/2022
Doãn Thị Bích Ngọc	Chủ tịch hội đồng quản trị	69.600.000	51.258.065
Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên hội đồng quản trị	47.100.000	46.500.000
Nguyễn Ngọc Trung	Thành viên hội đồng quản trị	31.200.000	-
Mai Hoài An	Thành viên hội đồng quản trị	31.200.000	-
Trần Bằng Việt	Thành viên hội đồng quản trị	37.200.000	-
Đình Hoài Châu	Thành viên hội đồng quản trị	55.200.000	18.300.000
Lâm Thiệu Quân	Nguyên Tổng giám đốc và TV HĐQT	469.857.143	1.057.861.235
Nguyễn Vĩnh Thuận	Tổng giám đốc và TV HĐQT	947.700.000	842.000.656
Phạm Đức Long	Giám đốc phát triển kinh doanh	640.000.000	890.465.482
Trịnh Thị Thúy Liễu	Trưởng ban kiểm soát	-	46.200.000
Đỗ Thị Thu Hà	Giám Đốc Kiểm Soát Nội Bộ và TV ban kiểm soát	470.100.000	417.500.000
Trần Thị Thu Tâm	TV ban kiểm soát	9.600.000	-
Nguyễn Thị Thu Sương	Giám đốc tài chính	607.600.000	610.778.843
Trương Thị Phương Dung	Kế toán trưởng	465.642.545	466.440.000
Cộng		3.881.999.688	4.447.304.281

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

Ib. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác **Mối quan hệ**Công ty TNHH liên doanh Global Sitem Cùng tập đoànCông ty cổ phần In No Cùng tập đoàn

Công ty phát sinh các giao dịch với các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty TNHH liên doanh Global Sitem		
Cho thuê kho, thuê văn phòng	539.501.762	545.567.963
Phải thu chi phí chia sẻ	204.144.485	163.500.531

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Kỳ này	Kỳ trước
<i>Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu</i>		
Mua hàng hoá và dịch vụ	901.061.411	237.149.661
Cho thuê kho, thuê văn phòng	1.720.991.403	1.606.092.158
Nhận VSOP	-	457.717.825
Nhận cổ tức	2.255.059.000	12.300.324.000
Vay tiền	-	40.000.000.000
Trả tiền vay	13.000.000.000	5.000.000.000
Lãi vay phải trả	2.020.547.945	2.277.808.220
Phải thu chi phí chia sẻ	213.103.174	204.413.036
Phải trả chi phí chia sẻ	4.681.250	8.852.000
<i>Công ty cổ phần tin học Siêu Tinh</i>		
Mua hàng hoá và dịch vụ	3.893.030.000	60.000.000
Bán hàng hoá và dịch vụ	115.889.000	300.755.212
Phải thu chi phí chia sẻ	5.290.000	12.775.000
Tiền mượn	3.000.000.000	7.300.000.000
Trả tiền mượn	3.000.000.000	7.300.000.000
<i>Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến</i>		
Nhận cổ tức	1.680.882.000	2.520.769.800
Nhận VSOP	-	18.051.120
Cho thuê kho, thuê văn phòng	1.437.040.058	1.365.589.088
Mua hàng hoá và dịch vụ	-	96.000.000
Phải thu chi phí chia sẻ	73.310.000	67.689.225
Phải trả chi phí chia sẻ	33.860.731	11.047.100
Cho vay	1.680.882.000	-
<i>Công ty TNHH MTV INNOVATIVE SOFTWARE DEVELOPMENT</i>		
Cho thuê kho, thuê văn phòng	537.130.789	169.444.272
Mua hàng hoá và dịch vụ	239.000.000	1.625.000.000
Tiền mượn	200.000.000	-
Trả tiền mượn	200.000.000	-
Phải thu chi phí chia sẻ	19.245.000	16.880.000
Nhận cổ tức	-	4.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2023 đến 31/12/2023 của năm tài chính kết thúc 31 tháng 03 năm 2024

Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Cơ cấu doanh thu, lãi gộp theo lĩnh vực kinh doanh từ 01/04/2023 đến 31/12/2023

Lĩnh vực	Doanh thu	Giá vốn	Lãi gộp
Hạ tầng - Giao thông	127.462.512.873	120.914.717.052	6.547.795.821
Viễn thông - tin học	44.712.999.834	39.232.998.006	5.480.001.828
Lĩnh vực khác	11.732.122.796	5.293.294.101	6.438.828.695
Tổng cộng	183.907.635.503	165.441.009.159	18.466.626.344

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Người lập biểu

Phạm Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng

Trương Thị Phương Dung

TP. HCM, Ngày 25 tháng 01 năm 2024
Tổng Giám đốc

Nguyễn Vĩnh Thuận